

ĐỀN LỘNH KHÊ VỚI VIỆC PHỤNG THỜ THÁNH KHÔNG LỘ

LÊ THỊ THU HÀ

Tóm tắt

Nằm trong cùng một dòng chảy văn hoá, nhiều làng ở vùng duyên hải Bắc Bộ cùng thờ thánh Không Lộ, trong đó có làng Lộnh Khê, xã An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình. Ở Lộnh Khê, thánh Không Lộ được thờ tại đền - một di tích không nổi tiếng về kiến trúc, nhưng những di vật còn lại ở đây đã khẳng định vai trò quan trọng của Ngài trong đời sống tinh thần của dân làng. Bên cạnh đó, nhưng nghi thức, trò diễn trong lễ hội của đền như rước đuốc, đốt cây đình liệu hay múa bát dật không chỉ liên quan tới cuộc đời của Không Lộ mà còn thể hiện tính cách và ước vọng của người nông dân Việt. Điểm đặc biệt là tên vị thánh ghi trong sắc phong trùng với tên vị Thánh được thờ tại đền. Đây là điều hiếm gặp so với các di tích khác cùng thờ Không Lộ ở Nam Định và Thái Bình. Để lý giải hiện tượng này, cần nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện hơn.

Việc phụng thờ các nhân vật lịch sử có công với dân, với nước đã trở thành một nét văn hoá đặc sắc nhưng cũng rất quen thuộc của người Việt. Suốt theo chiều dài của dải đất hình chữ S, đến bất kỳ vùng miền hay làng xã nào, ta cũng thấy những công trình kiến trúc được dựng lên để thờ phụng những nhân vật ấy với tư cách là thần linh của cộng đồng.

Trên thực tế, ngoại trừ một số các vị thần “tối linh” mà dù trong Nam hay ngoài Bắc, miền ngược hay miền xuôi đều tỏ tường danh tiếng; còn lại, ở mỗi vùng, miền thường thờ phụng một số vị thần linh khác nhau; ví như người dân vùng Bắc Ninh, Bắc Giang đã hết sức quen thuộc với Thánh Tam Giang, nhưng người dân xứ Đoài lại một mực tôn sùng đức Tản Viên sơn thánh,... còn đối với người dân Nam Định, Thái Bình nói riêng và vùng duyên hải Bắc Bộ nói chung thì Không Lộ lại được coi là một vị thánh có nhiều công lao và được thờ phụng trong nhiều loại hình di tích. Hầu như mỗi người dân nơi đây đều có thể kể lại tường tận tiểu sử, công lao của Ngài khi được hỏi. Và với những huyền tích ban đầu có phần đơn giản, trải qua thời gian, người dân nơi đây đã làm phong phú thêm về cuộc đời, công lao của người anh hùng văn hóa Không Lộ.

Theo truyền thuyết, thánh Không Lộ xuất thân trong một gia đình làm nghề chài lưới. Năm 29 tuổi ông xuất gia học đạo và trở thành một thiền sư với những khả năng siêu phàm như diệt thủy quái, chữa bệnh cho vua... Điều làm ông trở nên gần gũi với người dân hơn là những câu chuyện về những dấu chân không lờ của ông còn để lại qua những ngày đơm đó khắp vùng Nam Định, Thái Bình; những ngày gánh nước bằng đôi dảnh không lờ để tưới cho ruộng đồng giúp dân chống hạn hay dạy dân trồng lúa, đánh

cá... Ở mỗi một địa phương, câu chuyện lại có những chi tiết khác nhau bởi gắn với một công lao cụ thể, một sự tích nhất định của Ngài, có liên quan trực tiếp đến mỗi vùng, mỗi cộng đồng dân cư hay mỗi làng xã; và làng Lộng Khê (thuộc xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình) cũng là một làng như thế.

Là một làng cổ ở châu thổ Bắc Bộ, Lộng Khê trở nên nổi tiếng hơn nhờ có ngôi đền thờ thánh Không Lộ và những trò diễn đặc sắc trong lễ hội liên quan đến vị thánh được thờ tại đền. Theo sử sách, Lộng Khê có tên nôm là làng Nhóng được hình thành cách đây hơn một ngàn năm. Thời Lý, cùng với Đào Động, Tô Đề và A Sào, Lộng Khê từng được coi là một trong “tứ cố cảnh” (bốn cảnh đẹp) của huyện Phụ Dực.

Theo các cụ cao tuổi trong làng kể lại, làng Lộng Khê xưa có cả đình, đền và chùa, nhưng cả chùa và đình đều bị cháy trong chiến tranh chống Pháp; vì thế, toàn bộ đồ thờ và tượng thờ ở đình, chùa được chuyển về đền. Ngôi đền được người dân gọi theo tên làng- đền Lộng Khê. Kiến trúc của đền Lộng Khê hiện nay cũng chỉ được xây lại từ thời vua Tự Đức do ngôi đền cũ (nằm bên bờ sông Luộc) bị chiến tranh tàn phá. Theo tư liệu còn lưu tại đền, đền Lộng Khê thờ Thiền sư Không Lộ - người có công trong cuộc khai hoang trị thủy ở vùng Quỳnh Phụ thế kỷ XI. So với nhiều di tích ở Thái Bình, đền Lộng Khê không nổi tiếng về qui mô song còn những giá trị lịch sử - văn hóa thể hiện rõ nét qua kiến trúc, di vật và lễ hội gắn với tên tuổi của thiền sư Dương Không Lộ, người được dân gian tôn là là *Nam Thiên thánh tổ* bởi có công giúp dân làng khai hoang, trị thủy trong buổi đầu thành lập.

1. Về kiến trúc

Đền Lộng Khê nằm ở phía Nam làng, nhìn về hướng Tây - Tây Bắc; phía Bắc giáp huyện Ninh Giang của tỉnh Hải Dương, phía Tây giáp thôn An Quý, phía Đông giáp thôn Hiệp Lực cùng xã. Toàn bộ khu đền nằm trong một không gian cảnh quan đẹp, thoáng đãng. Phía trước đền có một hồ nước rộng, với cây cầu đá dẫn từ ngoài vào giếng tròn ở giữa hồ. Đây là chiếc cầu mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn, mới được dân làng đưa từ nơi khác về. Sự có mặt của cây cầu này làm tăng thêm nét cổ kính và vẻ đẹp cho không gian cảnh quan của ngôi đền. Đền Lộng Khê có mặt bằng kiến trúc kiểu chữ tam, gồm 3 toà nhà: đại bái, trung cung và hậu cung.

Toà đại bái có diện tích 6,47m x 14,7m, gồm 5 gian, làm theo kiểu hai mái, tường hồi bít đốc. Hiên phía trước toà đại bái bó vỉa bằng đá, được làm vào nửa sau thế kỷ 20, có chạm khắc hình cánh sen, văn triện... khá cầu kỳ. Kết cấu bộ khung toà đại bái gồm 4 hàng chân cột, các vì nóc và vì nách đều được làm theo kiểu chông rường. Vì nóc gian giữa và gian bên có kết cấu đơn giản, theo kiểu hai con rường lồng vào nhau. Rường trên cùng được tạo hơi cong đỡ thượng lương qua đầu sen, tỳ lực lên rường thứ hai qua các đầu sen, hai đầu rường đỡ hoành mái. Rường thứ hai làm theo kiểu rường cụt, một đầu đỡ hoành, một đầu chạm khắc trụ tròn giả, tạo cho khoảng giữa vì nóc sự thông thoáng. Thân các rường đều được bào soi, gờ chỉ, chạm khắc hoa văn hình lá lật. Các vì nóc gian

hồi cũng chỉ có hai rường kê lên nhau tạo thành bức cốn chạm khắc hình tượng hổ phù, chim phượng và lá lật.... Các vì nách sử dụng vì kiểu thức chông rường hoặc ván mê với những trang trí dày đặc các hoa văn hình rồng, lân, lá lật. Liên kết ở hiên toà đại bái đều dùng bẩy, thân các bẩy chạm khắc hình rồng, trúc hóa rồng, ván dong trên lưng bẩy hiên được chạm thủng hình văn triện thoáng và đẹp. Phong cách chủ đạo của nghệ thuật trang trí của tòa đại bái thuộc nửa đầu thế kỷ 20, đồng nhất với niên đại Bảo Đại 11 (1936) ghi trên câu đầu gian giữa tòa nhà này.

Kiến trúc trung cung và hậu cung đơn giản hơn nhiều so với tòa đại bái cả về kết cấu và nghệ thuật chạm khắc. Về cơ bản kiến trúc của đền Lộng Khê hiện nay khá rộng lớn, khép kín, tổng thể hài hòa. Niên đại kiến trúc khá muộn-nửa đầu thế kỷ 20 nhưng nghệ thuật chạm khắc trang trí trên kiến trúc của đền (chủ yếu ở đại bái) tương đối dày đặc, phong phú, khá tinh tế và khéo léo, có giá trị nghệ thuật nhất định.

2. Không gian thờ tự và những di vật liên quan đến thánh Không Lộ

Đền Lộng Khê thờ Thánh/Thiền sư Dương Không Lộ. Trên bức hoành phi treo ở gian giữa toà đại bái có ghi “*Lý triều quốc sư*”. Phía dưới hoành phi đặt bài vị của Thánh. Đây là một bài vị khá cổ, mang phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ 17. Điện thờ Thánh nằm ở hậu cung - nơi thâm nghiêm nhất của ngôi đền. Trên ván lá gió trên cột cái gian giữa hậu cung hiện có dòng chữ Hán “*Thần thông huyền hóa*” ca ngợi pháp lực của Thánh. Tượng Thánh được đặt trong khám thờ ở gian giữa, trên bệ cao nhất trong hậu cung. Hai bên tả - hữu là tượng thờ Thánh phụ, Thánh mẫu của Ngài. Những tượng này đều có phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

Bên cạnh việc thờ Thánh Dương Không Lộ, đền Lộng Khê còn phối thờ Lý Thường Kiệt và Trần Hưng Đạo ở trung cung. Qua tìm hiểu thì được biết, hai vị này mới được đưa ở nơi khác về thờ khoảng 30 năm gần đây: Thái uý Lý Thường Kiệt được người dân ở đây tôn làm Thành hoàng và thờ ở đình làng. Khi đình làng bị hư hại, dân làng đã rước ông từ đình về thờ tại đền. Còn việc thờ đức thánh Trần Hưng ở đây có lẽ liên quan chi tiết “trên đường đi dẹp giặc, khi đến địa phận Lộng Khê, trời mưa to, sóng lớn, Trần Hưng Đạo đã cho dừng thuyền vào nghỉ trước cửa đền, ông lại được đức thánh hiển linh báo mộng và giúp đánh trận thành công” như trong bản thần tích của đức Thánh Không Lộ hiện được lưu giữ tại đền. Ngoài ra, gần đây người dân địa phương đã đưa thêm cả tượng Phật và Mẫu (vốn được thờ ở chùa) về thờ tại đây.

Đền Lộng Khê có khá nhiều di vật có giá trị, trong đó có những di vật liên quan đến thánh Không Lộ như tượng thờ, sắc phong và thần tích. Trước hết, phải kể đến hòn đá lớn đặt ở gian giữa phía sau đại bái, được coi là một di vật gắn liền với đức Thánh. Theo truyền thuyết, những vết lõm lõm trên hòn đá này là dấu vết chân của Thánh để lại trong những lần giúp người dân nơi đây khai hoang trị thủy. Hiện tượng những hòn đá lớn có hình thù đặc biệt chúng ta đã gặp ở nhiều di tích như chùa Hanh Cù, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình hoặc chùa Cổ Lễ huyện Trục Ninh, chùa Vĩ Khê thuộc

huyện Nam Trực tỉnh Nam Định và được dân gian truyền tụng thành huyền thoại, thiêng hóa, coi đó là vết chân khổng lồ của Thánh và rất mực tôn thờ. Đặc biệt, đền hiện còn lưu giữ 9 bộ tranh thờ bằng gỗ được vẽ khá sinh động bằng chất liệu dầu thực vật có kích thước 1,2m x 0,8m. Nội dung của các bức tranh được cho là miêu tả chặng đường tìm thầy học đạo của Dương Không Lộ, Từ Đạo Hạnh và Giác Hải.

Điều đặc biệt quan trọng với chúng tôi trong quá trình nghiên cứu là hiện đền Lộng Khê còn giữ được 08 sắc phong, trong đó một sắc phong cho Trần Hưng Đạo vào năm 1924 và bốn sắc phong cho Không Lộ Đại pháp thiên sư vào các triều vua Cảnh Hưng năm thứ 44 (1783), Tự Đức năm thứ 33 (1880), Đồng Khánh năm thứ 2 (1886) và Duy Tân năm thứ 3 (1909). Như vậy sắc phong cho thánh Không Lộ có niên đại sớm nhất - 1783 và sắc có niên đại muộn nhất là năm Duy Tân thứ ba (1909). Chúng tôi xin dẫn nội dung bản sắc phong cổ nhất về Thánh Không Lộ được lưu giữ tại đền:

Phiên âm:

Sắc đại thánh Không Lộ, Giác Hải, Đạt Ma, Phù Vân, Huyền Diệu, Quảng Đại, Thông Hiển, Đại pháp thiên sư. Duy nhạc giáng thần, thực hiện sinh đức, nhằm tịch nhất phương chúa tể, hoàng tể phân thương hiệu chi công, thái bàn ức tải, hồng cơ mặc tướng, thọ khang đồ chi mạch hiển hựu, thực chiêu cảnh hưởng, bao phong tuyên phán, hoa chương vi tự vương tiến phong: Vương vị lâm cư chính phủ, lễ hữu đăng trật, ứng gia bao phong mỹ tự, khả gia phong: Đại thánh Không Lộ, Giác Hải, Đạt Ma, Phù Vân, huyền Diệu, Quảng Đạt, Thông Hiển, Viện Minh, Chính Giác, Đại Hùng, Đại Pháp thiên sư. Cồ sắc !

Cảnh Hưng tứ thập tứ niên thất nguyệt nhị thập lục nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc phong cho Đại thánh Không Lộ, Giác Hải, Đạt Ma, Phù Vân, Huyền Diệu, Quảng Đại, Thông Hiển, Đại pháp thiên sư. Theo lễ nhạc mà giáng thần, thực hiện việc sinh đức, thật là chúa tể một phương, mở rộng phân cấp công lao danh tiếng như bàn thạch chứa hàng trăm vạn điều lành, cơ nghiệp hình mặc tướng trường tồn như long mạch hiển hựu, thực là cảnh đẹp, nên tiến phong tuyên dương mở rộng: Vương vị lâm cư chính phủ, có nghi lễ long trọng, lại ban phong mỹ tự mà ban tặng: Đại thánh Không Lộ, Giác Hải, Đạt Ma, Phù Vân, huyền Diệu, Quảng Đạt, Thông Hiển, Viện Minh, Chính Giác, Đại Hùng, Đại Pháp thiên sư. Hãy vâng theo!

Ngày 26 tháng 7 niên hiệu vua Cảnh Hưng năm thứ 44 (1783).

Như hầu hết các sắc phong cho Thành hoàng các làng hoặc các vị thánh, sắc phong cho thiên sư Dương Không Lộ niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 này gồm rất nhiều mỹ tự, tôn vinh thiên sư có công lao to lớn, thực hiện các việc sinh đức, làm nhiều điều lành cho dân.

Đáng chú ý hiện ở đền còn lưu giữ bản thân sắc “*Lý triều Không Lộ thiền sư linh tích*” niên đại Thành Thái năm thứ 15 (1903) viết về sự tích Thánh Không Lộ. Qua khảo cứu và đối chiếu, chúng tôi thấy sự tích này có cả những chi tiết giống và khác với tiểu sử của Thiền sư Không Lộ được chép trong Thiền Uyển tập anh. Theo Thiền Uyển tập anh: Không Lộ họ Dương người Hải Thanh, nhà mấy đời đánh cá, sau bỏ nghề theo tu hành đạo Phật tại chùa Nghiêm Quang sau đổi tên là Thần Quang Tự. Ông mất ngày 3 tháng 6 niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 10 (1119), nhưng không rõ năm sinh. Còn bản thân tích lưu tại đền làng Lộng Khê lại ghi rõ: Không Lộ họ Dương, húy là Nghiêm Minh, quê ở làng Giao Thủy. Ông sinh ngày 14-9 năm Bính Thìn đời vua Lý Thái Tổ thứ bảy (1016). Ông kết bạn với Từ Đạo Hạnh và Giác Hải, ba người cùng sang Tây Thiên học đạo được Phật truyền tâm ấn cho ngài lục trí thần thông. Khi vua Lý Nhân tông bị bệnh, ông đã cùng Giác Hải vào kinh chữa bệnh cho vua. Khỏi bệnh, nhà vua phong cho ông là Lý triều quốc sư. Đến đời nhà Trần, khi đất nước bị giặc Nguyên xâm lấn, trên đường đi dẹp giặc, khi đến địa phận Lộng Khê trời mưa to, sóng lớn, Trần Hưng Đạo đã cho dừng thuyền vào nghỉ trước đền thánh, được đức thánh hiển linh báo mộng và giúp Trần Hưng Đạo đánh trận thành công. Vua Trần đã phong tặng thánh Không Lộ là Nam Thiên thánh tổ. Ông mất ngày mùng 3 tháng 6 năm Giáp Tuất đời vua Lý Nhân tông thứ ba (1094).

Như vậy là ngoài những chi tiết mang tính “thần dị” được chép trong bản thân tích, tuy năm sinh và năm mất của thánh mỗi sách chép một khác nhưng lại đều thống nhất về ngày sinh và mất của Thánh (ngày 14 tháng 9 â.l và mùng 3 tháng 6 â.l).

Hiện tại đền còn có đôi câu đối trên ghi rõ:

Thánh tích ức niên tiền tâm sự phòng truyền Nam sử lục

Thần công thiên tải hạ ân điền trường tí Lộng Khê xuyên

Dịch nghĩa:

Sự tích đức thánh hàng nghìn năm còn truyền trong sử nước Nam

Công lao của ngài mở ruộng ở Lộng Khê dân ơn trải nghìn năm

Đây là những tư liệu quý giá giúp cho việc nghiên cứu vị thánh được thờ tại đền Lộng Khê.

3. Lễ hội

Các cụ cao niên trong làng kể lại: trước kia lễ hội làng Lộng Khê kéo dài trong 11 ngày (từ ngày 21/3 – mùng 1/4), nhưng ngày nay, lễ hội chỉ còn tổ chức trong 3 ngày (từ 23 – 25/3). Tuy vậy, cũng như các nhiều làng khác ở đồng bằng Bắc Bộ, các công việc chuẩn bị cho lễ hội đều được tiến hành từ trước đó khá lâu. Ngày từ sau Tết, dân làng đã

chuẩn bị gạo, lợn, lau chùi các đồ thờ, sơn lại kiệu, sửa sang cờ hiệu cho ngày hội. Đường làng, ngõ xóm được sửa sang, quét dọn sạch sẽ, cổng chào được dựng ở 3 lối vào làng. Giữa sân đền là cây phướn hội, bên ngoài cầu đá ngay sát chiếc giếng cổ là cây đình liệu do người dân trong thôn bó từ nhiều ngày trước và được đưa về đến vào tối 18 tháng 3 âm lịch. Thời điểm diễn ra lễ hội không trùng vào ngày sinh và ngày kỵ của đức Thánh Dương Không Lộ như một số di tích ở nơi khác thờ Ngài. Hội đền Lộng Khê mang tính chất của một hội xuân – hội làng, nhưng phần lớn những nội dung diễn ra trong lễ hội đều gắn bó với thiền sư Không Lộ.

Ngày 21 tháng 3 là ngày khai hội, sau tiếng trống khai hội, các giáp trong làng theo ngôi thứ lần lượt vào tế Thánh. Sau lễ tế Thánh là nghi lễ rước nước, dân làng rước kiệu ra bến đò Chanh, dùng thuyền ra tận ngã ba sông làm lễ và thả xuống sông một vòng tròn, nước được múc bên trong vòng tròn đổ vào ché rồi đưa lên kiệu rước về đền. Đây là một nghi lễ không thể thiếu trong lễ hội, thể hiện lòng tôn kính đối với vị thánh của làng, đồng thời thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, cầu mong sự may mắn đến với dân làng trong năm. Rước nước thực chất là nghi lễ nông nghiệp. Đối với người nông dân xưa nước là yếu tố đầu tiên trong các yếu tố “nước, phân, cần, giống” để đảm bảo cho một vụ mùa bội thu.

Cùng với tế lễ và rước nước, lễ hội đền Lộng Khê còn có nhiều trò chơi dân gian như đánh đáo đĩa, đánh cờ người, múa tứ linh, thi bắt vịt, thi thả diều, kéo chữ, hát đúm, múa bát dật, tục rước đuốc và đốt cây đình liệu.

Qua tìm hiểu của các nhà nghiên cứu, múa bát dật hay còn gọi là “Bát dật vũ ơ đình” là một điệu múa cổ có nguồn gốc từ múa cung đình. Múa bát dật được thực hiện ở trung cung để chúc thánh. Về sự có mặt của của điệu múa này tại làng Lộng Khê, các cụ trong làng cho biết: cách đây gần một thế kỷ, một chàng trai người làng Lộng Khê giỏi văn hay chữ làm nghề dạy học để kiếm sống đã truyền dạy cho dân làng. Ông tên là Ngô Quang Nhuệ, lúc trẻ đi rất nhiều nơi để dạy học, lúc già trở về làng ông đã cùng với Lê Đức Ai - người giàu nhất làng Lộng Khê thời đó lập nên đội múa của làng. Múa bát dật do 32 cô gái tuổi từ 13 đến 18 đầu đội mũ kiêu có 3 ngọn đèn đỏ, cổ đeo xiêm, mặc quần đen, áo năm thân màu hoa đào, chân đi hài, tay cầm quạt được chia thành bốn hàng thể hiện. Điệu múa gồm 6 lớp múa chính: bát dật, xe chỉ guôn tơ, múa tiên, múa hoa hồi, múa bát môn, múa bát giác và nghi thức lễ thánh. Theo PGS.TS. Trần Lâm Biền, múa bát dật với những động tác trữ tình, uyển chuyển và mềm mại nhịp nhàng được lặp đi lặp lại là biểu hiện tính nông dân một cách rõ nét; nó phản ánh tính cách của người nông dân Việt là làm việc theo mùa, với một chu trình khép kín. Khi xem múa bát dật ta thấy động tác tay nhiều hơn động tác chân với cánh tay không vươn qua đầu nên còn thể hiện sự gắn bó, thân thiện giữa thần linh với đời thường, với người dân để sẵn sàng nghe những lời nguyện cầu của họ. Đó cũng là tính chất chung của lễ hội, bởi khi thực hiện các nghi lễ, trong mối quan hệ giữa thần linh và con người, người ta dùng động tác tay là chính. Vì thế, múa bát dật phản ánh tâm hồn của người nông dân Việt Nam. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng múa bát dật phù hợp với sân khấu chèo cổ từ trang phục đến động tác múa và

nhạc đệm. Có lẽ vì thế nên điệu múa cung đình này đã tồn tại trong sinh hoạt văn hóa của cộng đồng cư dân Lộng Khê một thời gian dài như vậy. Người dân Lộng Khê rất tự hào với điệu múa cổ của quê hương. Hiện nay làng Lộng Khê có hai đội múa bát dật, một đội múa của những người khoảng 30 đến 40 tuổi và một đội múa của các cô gái trẻ từ 15 đến 18 tuổi.

Cùng với múa bát dật, tục rước đuốc và đốt cây đình liệu là một trong những nghi lễ độc đáo, thu hút mọi tầng lớp dân cư làng Lộng Khê và các làng lân cận trong dịp lễ hội. Tục đốt cây đình liệu ở làng Lộng Khê bắt nguồn từ một câu chuyện mang tính tâm linh huyền bí: cách đây từ rất lâu, vào đêm 24 tháng 3 âm lịch, trong cùng một thời điểm, dân làng Lộng Khê đều nhất loạt thấy vị thần linh độ thế ở trong nhà mình, nhưng sau lại biến mất; vì thế, không ai bảo ai, mỗi gia đình đều đốt một bó đuốc để đi tìm vị thần đó và cuối cùng tập trung lại tại sân đền. Những bó đuốc nhỏ được gom thành một bó đuốc lớn chói sáng cả một khoảng trời. Từ đó đến nay, cứ đến đêm 24 tháng 3 hàng năm, dân làng lại tổ chức rước đuốc và đốt cây đình liệu. Cây đình liệu được người dân Lộng Khê bó bằng tre luống khô. Việc bó cây đình liệu được phân bổ luân phiên cho từng thôn, ban đầu là những bó nhỏ, sau gộp lại thành một cây lớn, có đường kính gốc từ 1,2 đến 1,5m, ngọn khoảng 0,7m và cao từ 15 đến 18m. Sau khi bó xong, cây đình liệu được sơn màu đỏ, có họa tiết tản vân, lưỡng long châu nguyệt, quanh thân có treo cờ hội, cờ thần. Ngọn cây đình liệu được tẩm dầu, có dây dẫn xuống phía dưới.

Đến giờ đã chọn, cụ mạnh bái của làng được giao nhiệm vụ làm lễ trong cung cấm để xin lửa thánh- ngọn lửa thiêng. Sau đó lửa thánh được rước từ trong cung cấm ra sân đình và được châm vào các dây dẫn xung quanh cây đình liệu. Lửa sẽ theo dây dẫn có tẩm dầu cháy lên đến ngọn cây. Cùng với pháo hoa, cây đình liệu trở thành bó đuốc khổng lồ chiếu sáng cả một vùng trong tiếng hò reo của người dân quanh vùng. Trên sân đền, dân làng mỗi người một bó đuốc nhỏ được châm từ ngọn lửa thiêng rước từ cung cấm ra và bắt đầu rước đuốc quanh làng. Dân làng tin rằng, việc rước đuốc là đem ngọn lửa của Thánh (mà thực chất là dòng sinh lực) đi quanh làng để sinh lực tràn ra khắp làng. Còn ngọn lửa/dòng sinh lực được truyền từ ngọn cây đình liệu xuống đất cũng mang ý nghĩa là dòng sinh lực từ bầu trời tràn xuống trần gian. Trong khi cây đình liệu cháy các cụ bà niệm Phật cầu mong mọi điều tốt lành, hạnh phúc đến với dân làng Lộng Khê. Ngoài ra, dân Lộng Khê còn tin rằng, làn khói của cây đuốc lớn ấy sẽ chuyên tải những lời cầu nguyện của con người lên tầng trên đến các vị thần linh, để những đấng thiêng liêng thực hiện như điều cầu nguyện của dân làng. Như thế, trong trường hợp này, cây đình liệu đã mang tư cách của “cây phúc”, cây sinh lực, bởi có màu đỏ là màu của sinh khí, của sự sống. Rõ ràng là, qua lễ hội, qua những nghi thức vừa thực hiện với vị Thánh của mình, người dân có cảm giác được “hoà đồng” với thế giới siêu nhiên và chắc chắn sẽ được ban cho cuộc sống no đủ, hạnh phúc.

Ngày nay, lễ hội đền Lộng Khê vẫn được dân làng và chính quyền địa phương hết sức quan tâm nên tổ chức lễ hội rất công phu và thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia với lòng thành kính vị thánh của mình. Họ cũng mong muốn qua lễ hội, sẽ quảng bá

được những nét văn hóa đặc sắc của Lộng Khê tới với nhân dân Thái Bình nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Qua trao đổi với các cụ cao niên trong làng, nguyện vọng của người dân muốn được nhà nước đầu tư kinh phí để tu bổ và quy hoạch lại di tích một cách hợp lý, đồng thời để lễ hội làng Lộng Khê đến được với nhân dân cả nước qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Đây không chỉ là mong muốn của người dân địa phương mà còn là trách nhiệm của những người làm công tác văn hóa, những người có trách nhiệm tìm hiểu và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong các sinh hoạt văn hóa tại các làng quê. Lễ hội là nơi để người dân giao lưu, thể hiện hết khả năng của từng cá nhân trong sinh hoạt cộng đồng, tạo ra sự gắn bó trong đời sống hàng ngày. Lễ hội cũng nhắc nhở người dân nhớ tới công lao của tổ tiên, của những người có công với dân với nước thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” và để những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp mãi trường tồn trong nhân dân.

4. Thánh Không Lộ và vấn đề đặt ra trong nghiên cứu

Với mục đích tìm hiểu vai trò của Thánh Không Lộ đối với đời sống của các cộng đồng dân cư vùng duyên hải Bắc Bộ, chúng tôi đã nghiên cứu khá nhiều di tích và lễ hội (trong đó có vùng Lộng Khê và các di tích khác ở Thái Bình). Một điểm chung khá lý thú là ở các di tích này còn bảo lưu được khá nhiều sắc phong của các triều đại phong kiến. Song dường như lại không có sự thống nhất lắm giữa tên của vị Thánh được ghi trong sắc với tên vị Thánh được ghi trong văn bia và các tư liệu thành văn khác. Ví dụ như: hầu hết các sắc phong của đền La Vân đều đề tên Không Lộ thiền sư nhưng văn bia lại ghi tên Nguyễn Minh Không; hoặc đền Ngũ ở Đông Hưng - Thái Bình vốn thờ thánh Nguyễn Minh Không nhưng bản sắc của đền lại là phong cho Không Lộ thiền sư. Điều này cũng thấy ở đình Cổ Hương ở Ý Yên, Nam Định, trong số 14 sắc phong thì 7 sắc phong cho Không Lộ đại pháp thiền sư, 6 sắc phong cho Minh Không, còn lại 1 sắc phong cho Không Lộ – Minh Không; chỉ ở đền Lộng Khê là có sự thống nhất về tên gọi của vị Thánh được thờ cả trong sắc phong và tâm thức người dân. Như vậy, phải chăng đúng như một số nhà nghiên cứu đã nhận định “Không Lộ là cái tên được dùng để chỉ hai nhà sư thời Lý là Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không”. Bước đầu nghiên cứu chúng tôi chỉ có thể khẳng định có một thiền sư Dương Không Lộ thuộc đời thứ chín của dòng thiền Vô Ngôn Thông và một thiền sư Nguyễn Minh Không thuộc đời thứ 13 dòng thiền Tì ni đa lưu chi. Tuy nhiên trong đời sống văn hóa tâm linh vốn phong phú của mình, người Việt vùng duyên hải Bắc Bộ đã từng bước sáng tạo ra các truyền thuyết xung quanh vị thần linh được phụng thờ tại địa phương với mục đích “thiên hóa” và lịch sử hoá. Và vì thế, từ những trang ghi chép giản lược ban đầu trong Thiên uyển tập anh, Thánh Dương Không Lộ được người dân tôn vinh trở thành người khổng lồ giúp dân chống hạn, dạy dân làm nghề đặng đó, diệt thủy quái cứu dân trên đường từ Trung Quốc trở về trong chuyến đi quyên đồng về đúc tứ đại khí, chữa bệnh cho vua...

Chúng tôi cho rằng, ngoài mục đích thiên hóa vị thần trong tâm lý chung của người Việt, chắc chắn những sáng tạo của người dân còn để thỏa mãn các nhu cầu tâm linh khác. Hy vọng có thể tiếp tục lý giải vấn đề này trong những nghiên cứu tiếp theo./.

Tài liệu tham khảo

1. Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh Thái Bình, *Hồ sơ di tích lịch sử văn hóa đền Lộng Khê*, Tài liệu đánh máy, 20 trang.
2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Thiền uyển tập anh*, Phân viện NCPH và Nxb Văn học xuất bản, Hà Nội, 1990.
3. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
4. Lê Thị Thu Hà, *Lễ hội thờ thánh Không Lộ ở các di tích*, Nghiên cứu Đông Nam Á (4), tr.73-78, 2011.